

TRAO ĐỔI THÊM VỀ CHUẨN NGÔN NGỮ VÀ CHUẨN CHÍNH TẢ TRONG TIẾNG VIỆT

GS.TS TRẦN TRÍ ĐỐI

Abstract: The paper shares the view that ‘standard orthography’ is merely the subjective judgment of native speakers communities on the basis of certain criteria. Efforts to develop Vietnamese standard orthography should, therefore, not be the search for ‘standard pronunciation’; rather, it should be acknowledged that the pronunciation as reflected in the existing writing system is the most ‘proper’ and ‘standard’. Meanwhile, the term ‘existing writing system’ generally has been described in the ‘Dictionary of Orthography’ published by the Institute of Literature in 1960. This writing system meets the requirements for respect to ‘social habits’, taking into account the ‘standardized values of etymology’ given those apparent values which function as grounds for standard orthography.

In cases of absence of uniformity, the best alternative is to *develop instrumental dictionaries of standard orthography* and compliance with that standard shall be made obligatory. Such rules must come from the highest level of State authority. Thus, instead of seeking for ‘standard pronunciation’ (an objective principle), it is possible to select ‘a standardized spelling’ (a subjective principle) in order to ensure uniformity in current Vietnamese orthography. In its turn, standard orthography (i.e. standardized spelling) will help standardize pronunciation and ensure *unity out of plurality* of the Vietnamese language.

Key words: *standard language, standard pronunciation, etymology, grounds for standard orthography*

1. Dẫn nhập

Trong tạp chí Ngôn ngữ, Số 1, 2013, Nguyễn Đức Tôn có bài *Quan điểm mới về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn hóa thuật ngữ* [4, 19-26]. Ở bài viết này, tác giả, sau khi điềm lại và phân tích ý kiến “hiền ngôn” về quan niệm chuẩn “khi bàn về chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ” của một số nhà Việt ngữ học “truyền thống” trước đây, đã đưa ra “quan điểm mới” của mình về “chuẩn” của từ thông thường và “chuẩn” của

thuật ngữ tiếng Việt, một địa hạt mà ông là một trong những chuyên gia hàng đầu. Theo chúng tôi, bài viết đã đặt ra một vấn đề tưởng chừng như cũ nhưng rất cần thiết phải được bàn lại khi chúng ta đang hướng tới nhiệm vụ chuẩn bị “luận cứ khoa học” để xây dựng luật ngôn ngữ ở Việt Nam. Chính vì thế, chúng tôi cũng xin có thêm ý kiến trao đổi về khái niệm “chuẩn” nhìn từ tình trạng chính tả tiếng Việt hiện nay.

2. Về khái niệm “chuẩn” và “chuẩn chính tả” trong Việt ngữ học

2.1. Quan niệm khác nhau về khái niệm “chuẩn” và “chuẩn chính tả” trong Việt ngữ học truyền thống

Phân tích những ý kiến “hiển ngôn” của Đỗ Hữu Châu và Hoàng Phê về chuẩn ngôn ngữ khi trao đổi về chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ, Nguyễn Đức Tồn cho rằng, theo như tư tưởng của hai ông, “chuẩn của ngôn ngữ là một thực thể tồn tại khách quan trong mỗi thời kì, mỗi giai đoạn của ngôn ngữ và luôn có nguy cơ bị phá vỡ để tạo ra cái chuẩn mới, thậm chí có nhiều chuẩn cùng tồn tại” [4, 22]. Theo dõi những phân tích và lập luận về vấn đề “chuẩn hóa chính tả” mà Hoàng Phê phát biểu vào những năm thuộc thập kỉ 70 của thế kỉ trước [2, 2-24], chúng tôi nhận thấy rằng việc Nguyễn Đức Tồn đưa ra một kết luận khái quát về quan niệm “chuẩn ngôn ngữ” nói chung và “chuẩn chính tả” trong Việt ngữ học trước đây như thế là khách quan và tương đối đầy đủ.

Chẳng hạn như, khi bàn về “chuẩn chính tả” Hoàng Phê đã cho rằng “chuẩn chính tả có một số đặc điểm khác hẳn những chuẩn ngôn ngữ khác, làm thành một lớp chuẩn ngôn ngữ khá đặc biệt” [2, 3]. Và khi đưa ra bốn đặc điểm được cho là nguyên nhân khiến cho “chuẩn chính tả có một số đặc điểm khác hẳn những chuẩn ngôn ngữ khác”, ở đặc điểm thứ ba Hoàng Phê nhấn mạnh “chuẩn chính tả cũng không phải là bất di bất dịch” [2, 3]; và ở đặc điểm thứ tư ông khẳng định “chuẩn chính tả thường là kết quả trực tiếp của công tác chuẩn hóa” [2, 4]. Rõ ràng, với cách đặt vấn đề và lập

luận như vậy của Hoàng Phê về “chuẩn chính tả”, chúng ta có thể nhận thấy đối với ông chuẩn ngôn ngữ, mà cụ thể ở đây là chuẩn chính tả tiếng Việt, tùy theo thời gian sẽ được thay đổi theo “kết quả trực tiếp của công tác chuẩn hóa”.

2.2. Vấn đề “chuẩn” và “cơ sở của chuẩn chính tả” trong Việt ngữ học truyền thống

Tuy nhiên, do tập trung chủ yếu vào thảo luận khái niệm “chuẩn” của từ thông thường và thuật ngữ, Nguyễn Đức Tồn còn chưa dành nhiều thời gian thảo luận đến vấn đề “cơ sở của việc chuẩn chính tả” mà một số nhà Việt ngữ học truyền thống (trong đó Hoàng Phê chỉ là một đại diện) đã đưa ra. Khi quan tâm đến nội dung này, chúng tôi nhận thấy rằng trước đây trong việc thảo luận “cơ sở” để từ đó tiến tới xây dựng chuẩn chính tả tiếng Việt đã hàm chứa những ý kiến khác biệt nhau giữa một số nhà Việt ngữ học truyền thống, trong đó có cả những ý kiến trái ngược với quan niệm của Hoàng Phê vừa được phân tích ở trên. Có lẽ, chúng ta cần làm rõ sự khác biệt vốn đã có ấy để hướng tới việc thống nhất một “luận cứ khoa học” khi đề xuất “chuẩn chính tả tiếng Việt” phục vụ cho việc xây dựng luật ngôn ngữ ở Việt Nam trong tương lai.

Trước hết, chúng tôi xin phân tích quan niệm về “cơ sở của việc chuẩn hóa chính tả” mà Hoàng Phê là người phát biểu có tính đại diện. Theo ông, “chữ viết ghi âm, cơ sở quyết định chính tả là phát âm” [2, 5]. Do đó, “đối với chữ viết ghi âm, căn cứ của chuẩn chính tả là chuẩn

phát âm” [2, 6]. Cho nên, khi bàn về cách viết các âm vị và âm tiết (đúng ra là việc dùng con chữ) trong chữ Quốc ngữ hiện nay, ông đã xác nhận rằng “phát âm làm cơ sở cho chính tả tiếng Việt” [2, 7].

Xuất phát từ lập luận như trên nhưng khi bình luận về chính tả tiếng Việt hiện nay, hình như trong lập luận của Hoàng Phê có một sự mâu thuẫn. Theo đó, chính ông cũng đã phải công nhận “có nhiều quan niệm khác nhau về phát âm chuẩn của tiếng Việt, nhưng trong thực tế thì hầu như mọi người Việt Nam chúng ta đều mặc nhiên thừa nhận phát âm đã được phản ánh trên chữ viết là ‘đúng’ nhất, là chuẩn (chúng tôi nhấn mạnh - TTD)” [2, 8]. Một mặt thì nhận xét như thế, nhưng mặt khác chính Hoàng Phê lại đưa ra một nhận định khác có tính phủ nhận điều mình đã nói ở trên: “chữ quốc ngữ có khá nhiều trường hợp không có sự tương ứng chặt chẽ giữa con chữ và âm vị: hoặc dùng hai ba kí hiệu khác nhau cho cùng một âm vị như C, K, Q để viết /k/, hoặc dùng cùng một kí hiệu cho hai âm vị khác nhau, như G trong *ga* /ga/ và trong *gi* /zi/” [2, 8]. Với nhận định này, chúng ta thấy rõ nhất ở đây tư tưởng “căn cứ của chuẩn chính tả là chuẩn phát âm” mà ông đã nêu ra.

Khi đặt vấn đề “phát âm làm cơ sở cho chính tả tiếng Việt”, tất nhiên, chúng ta phải đối diện với vấn đề lựa chọn phát âm địa phương để giải quyết vấn đề cơ sở của chuẩn chính tả. Và trước yêu cầu bắt buộc ấy, Hoàng Phê đề nghị “để quyết định chuẩn chính tả, trong phần lớn trường hợp chỉ cần dựa vào phát âm của những

địa phương mà trong trường hợp cụ thể nói đến, có phát âm phù hợp với phát âm chuẩn đã quy định (chúng tôi nhấn mạnh - TTD)” [2, 16]. Rồi ngay sau đó, ông cũng lại tiếp tục đề xuất một cách xử lí khác nữa. Theo như những gì đã được trình bày, ông cho rằng “có thể thừa nhận một tình trạng lưỡng khả, với hai chuẩn chính tả thường là có giá trị khác nhau, nhưng cũng có thể có giá trị ngang nhau” [2, 17].

Ngoài tiêu chí chính của cơ sở chuẩn chính tả là phát âm, Hoàng Phê cũng đã không thể phủ nhận “nguyên tắc chính tả từ nguyên học - một trong những nguyên tắc chi phối chính tả của nhiều ngôn ngữ phương Tây - không phải là không có sức hấp dẫn đối với một số nhà nghiên cứu” [2, 15]; đồng thời ông cũng đã không thể không nhắc đến “trong một số ít trường hợp cá biệt... là dựa vào lối viết theo thói quen” [2, 18]. Rõ ràng, đối với Hoàng Phê khi bàn về cơ sở của chuẩn chính tả là chuẩn phát âm, những diễn giải hay lập luận mà ông trình bày tự nó xác nhận nội dung khái quát mà Nguyễn Đức Tồn tổng hợp ở trên là chính xác.

Thực ra, ngay sau khi Hoàng Phê đưa ra quan niệm chuẩn chính tả tiếng Việt như vừa phân tích ở trên và, có lẽ, được hiện thực hóa một phần tại quy định năm 1980 của Bộ Giáo dục và Ủy ban KHXH khi đưa ra “Một số quy định về chính tả trong sách giáo khoa cải cách giáo dục” [1], chúng ta cũng đã thấy có ngay những ý kiến trao đổi lại với nguyên tắc này. Chúng tôi nhận thấy, trong số những ý kiến đó, trao đổi của Phạm Huy Thông

là điển hình hơn cả [3, 8-17]. Phát biểu của Phạm Huy Thông cho biết, “Vấn đề chọn chuẩn chính tả không đặt ra năm 1980. Việc biên soạn sách giáo khoa cải cách giáo dục lúc bấy giờ đã có một chỗ dựa về chính tả: cuốn *Từ điển chính tả* mà Viện Văn học đã xuất bản năm 1960. Chuẩn chính tả được sách đó chấp nhận được coi là chuẩn chính thức” [3, 8]. Và ông nhấn mạnh “phương châm này được tuyệt đại đa số những nhà ngôn ngữ học và những nhà giáo dục học tán thành” [3, 8]. Cách phát biểu như thế cũng có nghĩa là, đối với Phạm Huy Thông, ông *tán thành* “chuẩn chính tả” đã được thể hiện cụ thể ở *Từ điển chính tả* do Viện Văn học xuất bản năm 1960.

Thế nhưng, sau năm 1980, “vấn đề chọn chuẩn chính tả” đã lại được “đặt ra”. Theo Phạm Huy Thông, lí do của việc “bàn luận” lại chuẩn chính tả “là vì những người làm công tác giáo dục nghĩ rằng học sinh được học bằng sách viết theo chính tả chuẩn là tốt, nhưng chưa đủ; học sinh còn ~~đúng~~ học tập chính tả, rèn luyện chính tả, thì mới nâng cao được năng lực ~~viết~~ sử dụng tiếng Việt” [3, 8]. Cách phát biểu của Phạm Huy Thông cho thấy nguyên nhân của việc người ta đặt ~~lại~~ vấn đề cơ sở “chuẩn chính tả” ở thời kì ấy là do “những người làm công tác giáo dục” muốn học sinh không chỉ đơn thuần là chấp nhận theo “chính tả chuẩn” mà là muốn học sinh “tự mình” lí giải được việc lựa chọn nguyên tắc chính tả để sử dụng tiếng Việt.

Cũng theo diễn giải của Phạm Huy Thông, để “chọn chuẩn chính

tả”, Hội đồng chính tả do Bộ Giáo dục cử ra (sau năm 1980) đã đưa ra hai kết luận quan trọng. Thứ nhất, “xác định phương châm phải lấy thói quen xã hội làm tiêu chí chủ yếu để chọn chuẩn chính tả”. Thứ hai, “khẳng định không coi từ nguyên làm cơ sở chính để định chuẩn chính tả, hội đồng lại tranh luận về địa vị nên dành cho từ nguyên trong việc chọn chuẩn... Tóm lại, giá trị định chuẩn của từ nguyên có thể được vờ đến, với hai điều kiện là: thói quen chưa ràng buộc mạnh mẽ và từ nguyên phải được biết chính xác” [3, 9-10].

Khi phân tích “phương châm phải lấy thói quen xã hội làm tiêu chí chủ yếu để chọn chuẩn chính tả”, Phạm Huy Thông cũng đã phải đề cập đến một nội dung khác, tức nội dung tiêu chí “chuẩn phát âm” mà Hoàng Phê đã từng nêu ra vào những năm trước đó. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cách tiếp cận của Phạm Huy Thông cho chúng ta thấy ông dường như đã không tán thành với tiêu chí lấy “chuẩn phát âm” mà Hoàng Phê đã nêu ra để làm “chuẩn chính tả”. Theo đó, Phạm Huy Thông viết: “Ở một chữ viết ghi âm như tiếng Việt, phải chăng công tác chuẩn chính tả cần được tiến hành song song với công tác chuẩn phát âm, nói đúng hơn trên cơ sở công tác chuẩn phát âm? Trên thực tế, trong tình hình tâm lí xã hội hiện nay, vấn đề chuẩn phát âm chưa thể đặt ra” [3, 9]. Bởi vì, trên nguyên tắc, cách đặt vấn đề của ông khác với Hoàng Phê. Ông viết “*Chữ quốc ngữ - lối phiên âm Latin - truyền thống, mặc dù trải qua nhiều biến thiên, là một cơ sở tốt để chính tả thống nhất các vùng. Nhưng hiện không một vùng*

nào đủ uy thế ngôn ngữ, kẻ cả thù đô, để lôi cuốn mọi vùng đều phát âm theo mình... Chuẩn chính tả hiện nay có ưu thế so với chuẩn âm để đảm bảo và củng cố tính thống nhất của ngôn ngữ” [3, 9].

Như vậy, qua logic lập luận nói trên, rõ ràng Phạm Huy Thông đã thể hiện một cách xử lí khác khi “chọn cơ sở cho chuẩn chính tả” tiếng Việt. Theo đó, đối với khuynh hướng do Hoàng Phê đại diện, tiêu chí chính của cơ sở chuẩn chính tả là phát âm; sau đó, trong chừng mực nhất định cũng có (hay mới) tính đến “nguyên tắc chính tả từ nguyên học” và “trong một số ít trường hợp cá biệt... là dựa vào lối viết theo thói quen”. Còn đối với khuynh hướng được Phạm Huy Thông đại diện phát biểu, “thói quen xã hội làm tiêu chí chủ yếu để chọn chuẩn chính tả” và “giá trị định chuẩn của từ nguyên có thể được vờ đến”; đồng thời “vấn đề chuẩn phát âm chưa thể đặt ra” và “Chuẩn chính tả hiện nay có ưu thế so với chuẩn âm để đảm bảo và củng cố tính thống nhất của ngôn ngữ”. Rõ ràng, sự khác biệt về cách xử lí trong việc “chọn cơ sở cho chuẩn chính tả” tiếng Việt ở các nhà Việt ngữ học truyền thống là một thực tế và cần được chú ý đúng mức khi chúng ta trở lại vấn đề “chuẩn chính tả” phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng cơ sở khoa học nhằm tiến tới xây dựng “luật ngôn ngữ” ở Việt Nam.

2.2. Vấn đề “chuẩn” và “cơ sở của chuẩn chính tả” trong Việt ngữ học hiện nay

Đứng trước yêu cầu xã hội là xây dựng khái niệm “chuẩn” trong tiếng

Việt hiện nay, Nguyễn Đức Tôn, sau khi có được kết luận về nội dung quan niệm của những nhà Việt ngữ học truyền thống, đã đưa ra quan niệm của mình. Ông viết: “Theo chúng tôi, chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí nhất định) của cộng đồng người bản ngữ đối với một đơn vị ngôn ngữ nào đó và việc sử dụng đơn vị ngôn ngữ ấy: chỉ có một chuẩn mà thôi, còn các đơn vị ngôn ngữ cụ thể nếu đáp ứng được tiêu chuẩn ấy trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định thì được coi là cái đạt chuẩn” [4, 23]. Cách quan niệm về khái niệm “chuẩn” mà Nguyễn Đức Tôn nêu ra, như vậy, là khác về chất so với quan niệm mà Hoàng Phê là người phát biểu có tính đại diện. Theo Nguyễn Đức Tôn, “chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí nhất định) của cộng đồng người bản ngữ” chứ không thể là “một thực thể tồn tại khách quan trong mỗi thời kì, mỗi giai đoạn của ngôn ngữ”; và trong ngôn ngữ “chỉ có một chuẩn mà thôi” chứ không thể có “một tình trạng lưỡng khả, với hai chuẩn chính tả thường là có giá trị khác nhau, nhưng cũng có thể có giá trị ngang nhau”.

Từ quan niệm nói trên của Nguyễn Đức Tôn về “chuẩn” trong ngôn ngữ, chúng ta có thể lí giải về “chuẩn chính tả” và “cơ sở của chuẩn chính tả” trong tiếng Việt hiện nay. Theo đó, chuẩn chính tả sẽ là những tiêu chí chủ quan đánh giá chính tả được cộng đồng người bản ngữ chấp nhận. Chúng tôi cho rằng cách xử lí trong việc chọn cơ sở để làm chuẩn cho chính tả mà Phạm Huy Thông nêu ra, về tinh thần,

là đúng với bản chất của ngôn ngữ. Bởi lẽ, theo chúng tôi đối với trường hợp chính tả Việt, nếu lấy “*cơ sở quyết định chính tả là phát âm*” như nguyên tắc của Hoàng Phê nêu ra thì điều đó đã được Phạm Huy Thông chỉ rõ: “không một vùng nào đủ uy thế ngôn ngữ, kể cả thủ đô, để lôi cuốn mọi vùng đều phát âm theo mình... Chuẩn chính tả hiện nay có ưu thế so với chuẩn âm để đảm bảo và củng cố tính thống nhất của ngôn ngữ”.

Chúng tôi cho rằng, đúng như quan điểm về chuẩn mà Nguyễn Đức Tồn đã nêu, chỉ khi chấp nhận “*chuẩn chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một số tiêu chí nhất định) của cộng đồng người bản ngữ đối với một đơn vị ngôn ngữ nào đó*”, khi ấy chúng ta sẽ thấy “*cơ sở quyết định chính tả là phát âm*” mà Hoàng Phê nêu ra là khó có thể áp dụng được đối với chính tả tiếng Việt nói riêng, chính tả của các ngôn ngữ nói chung. Theo chúng tôi có ba lí do để chúng ta phải đi đến một nhận định như thế:

Thứ nhất, phát âm của một ngôn ngữ bao giờ (luôn luôn) cũng thuộc một giọng địa phương nhất định (thậm chí còn là giọng thổ ngữ); đó là một thực tế “khách quan”. Trong khi đó, lựa chọn một dạng phát âm để coi nó là đại diện cho ngôn ngữ (tức đơn vị “chuẩn”) là một việc làm “chủ quan”; cho nên chọn một dạng “khách quan” để làm “chuẩn” sẽ phải chấp nhận “lưỡng khả” về chuẩn. Đó chính là mầm mống của sự lộn xộn. Nhận định của Phạm Huy Thông đối với tiếng Việt rằng

“không một vùng nào đủ uy thế ngôn ngữ, kể cả thủ đô, để lôi cuốn mọi vùng đều phát âm theo mình” là một nhận định chính xác.

Thứ hai, phát âm của một ngôn ngữ bao giờ (luôn luôn) cũng thuộc một giọng địa phương nhất định cho nên đó là một hiện tượng “khách quan”, do vậy nó cũng khách quan biến đổi theo thời gian và theo không gian. Trong khi đó, chính tả về bản chất chỉ là nguyên tắc cách dùng các kí tự để thể hiện ngôn ngữ ở một giai đoạn nhất định nên nó là “chủ quan”; vì thế chuẩn chính tả không thể biến đổi tức thời theo thời gian và theo không gian như là cách phát âm các đơn vị ngôn ngữ được, mà nó chỉ thay đổi khi cộng đồng người bản ngữ quyết định thay đổi tiêu chí đánh giá chuẩn chính tả của mình vì những lí do chủ quan nhất định. Đối với trường hợp chữ quốc ngữ, từ khi được khởi thảo (trong cách viết của *Từ điển Việt - Bồ - La* năm 1651) cho đến 1945, khi tiếng Việt chưa được coi là ngôn ngữ chính thức, nó chỉ là “chữ viết tiếng Việt”. Chỉ từ khi tiếng Việt được công nhận là ngôn ngữ chính thức của Nhà nước Việt Nam, chữ quốc ngữ mới trở thành “chính tả tiếng Việt”. Khi ấy, thói quen viết “chữ viết tiếng Việt” trước đây mới trở thành “chính tả tiếng Việt” và được văn bản hóa trong cuốn *Từ điển chính tả* mà Viện Văn học xuất bản năm 1960 và điều này “được tuyệt đại đa số những nhà ngôn ngữ học và những nhà giáo dục học tán thành” [3, 8].

Thứ ba là, đúng như Phạm Huy Thông đã nói, trong trường hợp tiếng

Việt “Chuẩn chính tả hiện nay có ưu thế so với chuẩn âm để đảm bảo và củng cố tính thống nhất của ngôn ngữ”. Điều này có nghĩa là đối với tiếng Việt (và có thể cũng như nhiều ngôn ngữ khác), phát âm có tính phương ngữ giữa các vùng là khách quan. Thí dụ, không thể coi những người phát âm theo “giọng Hà Nội” là không phát âm chuẩn tiếng Việt khi họ đều phát âm âm đầu [c] trong những từ có chính tả là “(con) *trâu*”, “(vò) *trấu*”, “(ăn) *trầu*”, “*châu* (báu)”, “*châu chấu*” v.v...; cũng như vậy, không thể coi những người phát âm theo “giọng Sài Gòn” là không phát âm chuẩn tiếng Việt khi họ đều phát âm âm đầu [z]/[j] trong những từ có chính tả là “*vô* (Nam)”, “*dữ* (quá)”. Hay như phát âm theo “giọng Thanh Hóa” có thể là “(con) *hiu*”, “*kêu* (quốc)” nhưng theo chính tả thì phải viết đúng là “(con) *hươu*”, “*cừu* (quốc)”. Ở đây, giọng địa phương là “khách quan”, chuẩn chính tả là “chủ quan” và chỉ có một đơn vị duy nhất được coi là viết đúng chính tả.

3. Vấn đề xử lí “chuẩn chính tả” trong Việt ngữ học hiện nay

Từ quan niệm về “cơ sở của chuẩn chính tả” để “chuẩn hóa chính tả” trong tiếng Việt như phân tích ở trên, chúng tôi xin trao đổi thêm về cách thức xử lí tình trạng chính tả tiếng Việt để có một hệ thống chính tả chuẩn.

Thứ nhất, do bản thân chính tả chỉ là cách xử lí chủ quan chữ viết đối với ngôn ngữ nên cần chấp nhận quan điểm “chuẩn chính tả” chỉ là sự đánh giá chủ quan (dựa trên một

số tiêu chí nhất định) của cộng đồng người bản ngữ đối với cách viết một đơn vị ngôn ngữ được chấp nhận là đúng. Và như vậy, khi mà chính Hoàng Phê đã từng thừa nhận là tuy “có nhiều quan niệm khác nhau về phát âm chuẩn của tiếng Việt, nhưng trong thực tế thì hầu như mọi người Việt Nam chúng ta đều mặc nhiên thừa nhận phát âm đã được phản ánh trên chữ viết là ‘đúng’ nhất, là chuẩn (chúng tôi nhấn mạnh - TTD)” [2, 8] thì chữ quốc ngữ hiện có nên được xem là “chuẩn chính tả” tiếng Việt hiện nay. Khái niệm “chữ quốc ngữ hiện có”, đối với chúng tôi, đã được cụ thể hóa ở cuốn *Từ điển chính tả* mà Viện Văn học đã xuất bản năm 1960. Theo chúng tôi, lựa chọn này là phù hợp (hay thỏa mãn/ đáp ứng) điều mà Phạm Huy Thông đã phát biểu về “cơ sở của chuẩn chính tả” là “thói quen xã hội” và “giá trị định chuẩn của từ nguyên có thể được vờ đến”.

Thứ hai là cách thức xử lí cụ thể những hiện tượng chính tả có tình trạng nhìn bên ngoài “không thống nhất”. Thí dụ như việc đồng thời viết *y* và *i* cho nguyên âm là âm vị /i/ trong những từ như “(tuổi) *Tỷ*”/ “(một) *tử*”, “*mỹ thuật*”/ “*mị dân*” trong tiếng Việt hiện nay v.v... Đối với hiện tượng “không thống nhất” này, cho dù có một nguyên tắc xử lí khoa học đến đâu vẫn có những ngoại lệ. Cho nên, khi coi “chuẩn chính tả” chỉ là sự đánh giá chủ quan của cộng đồng người bản ngữ thì cách thức xử lí tốt nhất của chúng ta là xây dựng từ điển

công cụ chuẩn chính tả và coi đó là chuẩn bắt buộc. Công cụ chuẩn chính tả ở đây sẽ là “Từ điển chính tả tiếng Việt”, “Từ điển chính tả tên riêng và địa danh tiếng Việt”, “Từ điển chính tả địa danh tên riêng nước ngoài”. Bộ từ điển công cụ về chuẩn chính tả này sẽ do một cơ quan chuyên môn (chẳng hạn như Viện Ngôn ngữ học) soạn thảo và được cơ quan có thẩm quyền (chẳng hạn như Quốc hội) ban hành quy định là bắt buộc đối với xã hội. Chỉ có cách làm như vậy, chúng ta mới xóa bỏ được tình trạng chính tả không thống nhất như hiện nay.

Thứ ba, cách làm này về bản chất cũng có nghĩa là trong việc chuẩn hóa chính tả, chúng ta không xuất phát từ việc tìm kiếm “chuẩn phát âm” mà là đi từ việc tôn trọng “thói quen xã hội” và có tính đến “giá trị định chuẩn của từ nguyên”, vốn là hai nguyên tắc chủ quan mà Hội đồng chính tả do Bộ Giáo dục cử ra (sau năm 1980) đã kết luận như đã nêu trong bài viết của Phạm Huy Thông. Như vậy, bản chất của cách thức chuẩn

hóa chính tả mà chúng tôi đề nghị là dựa vào sự đánh giá chủ quan của cộng đồng người bản ngữ. Cách làm này có thể thông qua chuẩn cách viết, góp phần chuẩn hóa phát âm, đảm bảo tính thống nhất trong đa dạng của tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Trí Dõi, *Tình trạng viết y/ i hiện nay trong một số văn bản: nguyên nhân và thảo luận về cách khắc phục*, Báo cáo tại Hội thảo KH quốc gia “Xây dựng chuẩn mực chính tả thống nhất trong nhà trường và trên các phương tiện truyền thông đại chúng”, Tp Hồ Chí Minh, 2012.
2. Hoàng Phê, *Vấn đề cải tiến và chuẩn hóa chính tả*, T/c Ngôn ngữ, Số 3+4, 1979.
3. Phạm Huy Thông, *Về hai vấn đề chính hiện nay trong việc quy định chính tả*, T/c Ngôn ngữ, Số 4, 1983.
4. Nguyễn Đức Tồn, *Quan điểm mới về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn thuật ngữ*, T/c Ngôn ngữ, Số 1, 2013.